

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TỰ ĐỘNG HOÁ QUỐC GIA - AUMECH GROUP

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TỰ ĐỘNG HOÁ QUỐC GIA - AUMECH GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AUMECH GROUP – NATION AUTOMATION TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109620467

3. Ngày thành lập: 05/05/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 2 Chu Văn An , Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0906851579

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng nhà để ở	4101
2.	Xây dựng nhà không để ở	4102
3.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
4.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
5.	Xây dựng công trình điện	4221
6.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
7.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
8.	Xây dựng công trình thủy	4291
9.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
10.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
11.	Phá dỡ	4311
12.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
13.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
14.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
15.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
16.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
17.	Xuất bản phần mềm	5820
18.	Lập trình máy vi tính	6201
19.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
20.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311

21.	Cổng thông tin (trừ báo chí)	6312
22.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
23.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4530
24.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ đầu giá)	4543
25.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa (trừ đầu giá)	4610
26.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
27.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
28.	Bán buôn thực phẩm	4632
29.	Bán buôn đồ uống	4633
30.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
31.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
32.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
33.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (trừ đầu giá)	4651
34.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (trừ đầu giá)	4652
35.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp (trừ đầu giá)	4653
36.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ đầu giá)	4659
37.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng)	4662
38.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
39.	Bán buôn tổng hợp (trừ đầu giá)	4690
40.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
41.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
42.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
43.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
44.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
45.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
46.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751

47.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
48.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
49.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
50.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
51.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
52.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
53.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
54.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
55.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
56.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ đấu giá)	4791
57.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
58.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
59.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
60.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
61.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
62.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
63.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
64.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
65.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
66.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
67.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
68.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
69.	Quảng cáo	7310
70.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
71.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: thiết kế, trang trí nội thất	7410

72.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
73.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730(Chính)
74.	Đại lý du lịch	7911
75.	Điều hành tua du lịch	7912
76.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
77.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
78.	Đào tạo sơ cấp	8531
79.	Đào tạo trung cấp	8532
80.	Đào tạo cao đẳng	8533
81.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
82.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
83.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
84.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
85.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng, Sản xuất máy đồ xe tự động dạng xếp vòng	2829
86.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
87.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
88.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
89.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
90.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
91.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn,, Sản xuất sản phẩm khác	2599
92.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
93.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
94.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
95.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
96.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
97.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
98.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
99.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
100.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
101.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
102.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
103.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815

104.	Đúc sắt, thép	2431
105.	Đúc kim loại màu	2432
106.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
107.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
108.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
109.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
110.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
111.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
112.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
113.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ	5225

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 100.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGÔ NHẬT QUANG	N009-LK9-13, Khu đất dịch vụ Dọc Bún, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	10,000	112330961	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	10.000	100.000.000	10,000		

2	NGUYỄN VĂN TÙNG	Số 18A Phạm Đình Hồ, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	45.000	450.000.000	45,000	0010900299 13
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	45.000	450.000.000	45,000	
3	VŨ HOÀNG TUẤN	Số 9, ngõ 6 Bà Triệu, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	45.000	450.000.000	45,000	0170820000 21
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	45.000	450.000.000	45,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: VŨ HOÀNG TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 22/04/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 017082000021

Ngày cấp: 07/05/2014

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số 9, ngõ 6 Bà Triệu, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 9, ngõ 6 Bà Triệu, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội